

Số: 73/2019//QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 10 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2019 /TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1984.

Đều trú tại: :Xóm 2, thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, điều 59, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 2 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 2 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Gia B sinh ngày 15/6/20018 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông non, chăm sóc giáo dục cháu B đến khi thành niên. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 10/2019 đến khi cháu Bảo thành niên.

Anh C được quyền thăm non, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị N có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh C không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. *Về tài sản chung và công nợ:* Anh Phạm Văn C được quyền sử dụng diện tích 270m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 722 tờ bản đồ số 61 xã Long Nguyên, đã được UBND huyện B, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn C có giá trị 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Anh C có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng là 95.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phạm Thị N số tiền 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Anh C đã thanh toán xong số tiền 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản cho chị N.

2.3. *Về án phí:* Chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) và nộp thay cho anh C án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Án phí chia tài sản: Anh C chị N tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung nên anh C chị N không phải nộp án phí chia tài sản.

Tổng số tiền án phí chị Phạm Thị N phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0002171 ngày 17/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Mạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Hoa

